TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/4/2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T – sinh năm 1988 (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Tú E – sinh năm 1981 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Minh C (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị E tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2007 tại UBND xã B. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vả, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Thùy Dương, sinh ngày 09/5/2009 và Lê Ngọc Bích Tuyền, sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn anh T tự nguyện giao con cho chị E nuôi dạy, anh không cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Đoàn Tú E trình bày:

Chị E thống nhất với lời trình bày của anh T về các vấn đề hôn nhân, con chung và nợ chung. Nay trước yêu cầu khởi kiện của anh T chị E đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Thùy Dương, sinh ngày 09/5/2009 và Lê Ngọc Bích Tuyền, sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn anh chị tự nguyện thỏa thuận giao 02 con cho chị E nuôi dạy, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Nợ bà Hồ Minh C ở xã Đ số tiền hốt hụi 14.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi.

Tại phiên tòa:

Anh T và chị E vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xE xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Đoàn Tú E. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị E có nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Hồ Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà C vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị E tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày11/12/2007 tại UBND xã B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù được gia đình hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Xét thấy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để anh chị có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hai bên đều xác định không thể đoàn tụ và thống nhất ly hôn. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị E.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Thùy Dương, sinh ngày 09/5/2009 và Lê Ngọc Bích Tuyền, sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn anh chị tự nguyện thỏa thuận giao 02 con cho chị E nuôi dạy. Tại phiên tòa anh T và chị E thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đối với bà Hồ Minh C thì tại Thông báo số 10/TB-TA ngày 20/02/2023 của Tòa án yêu cầu bà C có ý kiến bằng văn bản đối với việc xử lý khoản nợ trên nhưng bà C không có ý kiến, do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét. Trường hợp bà C có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T về việc ly hôn với chị Đoàn Tú E.

Về hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Đoàn Tú E.

Về con chung: Giao các cháu Lê Ngọc Thùy Dương, sinh ngày 09/5/2009 và Lê Ngọc Bích Tuyền, sinh ngày 22/11/2016 cho chị E tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 04/01/2023 anh T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003278 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi